

HIỆP HỘI CÀ PHÊ BUỒN MA THUỘT
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 02. ngày 03.10.2017.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ CẬP NHẬT CỦA TỔ CHỨC UTZ TẠI VIỆT NAM NĂM 2016

I. Giới thiệu

UTZ là một chương trình chứng nhận và nhãn hiệu cho canh tác bền vững trên toàn cầu, đưa ra các tiêu chuẩn về sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp bền vững, có trách nhiệm về kinh tế, xã hội và môi trường trong sản xuất Cà phê, Cacao và Chè mà các thương hiệu và người tiêu dùng mong đợi.

Chương trình UTZ được bắt đầu chứng nhận tại Việt Nam từ năm 2002. Hiện nay, UTZ đang chứng nhận cho 3 loại cây trồng tại Việt Nam là Cà phê Cacao và Chè.

Hoạt động của Văn phòng UTZ tại Việt Nam là hướng dẫn cho các đơn vị thành viên thực hiện chương trình UTZ, hỗ trợ thông tin thương mại trong việc giao dịch với các khách hàng mua bán hàng được chứng nhận UTZ. Các công việc hướng dẫn và hỗ trợ như là Tập huấn, Hội thảo, Tư vấn thực hiện và cung cấp thông tin khách hàng trong nước và trên thế giới, điều này được thể hiện đầy đủ trên cổng thông tin của mỗi thành viên.

Các đơn vị thành viên là các đơn vị đã đăng ký tham gia chương trình UTZ, bao gồm các Nhà sản xuất, Kho hàng, Nhà thương mại, Nhà chế biến và Nhà rang xay. Mỗi đơn vị là mỗi mắt xích trong chuỗi cung ứng của sản phẩm và có thể truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm mình đang sở hữu. Chương trình UTZ giúp cho nông dân và gia đình họ thông tin và kiến thức để canh tác có hiệu quả, mang đến lợi nhuận cao nhất, bên cạnh đó còn bảo vệ tốt môi trường và quan tâm đến sức khỏe và cuộc sống người lao động. UTZ cũng giúp cho các đơn vị thành viên có được uy tín tốt hơn cũng như khả năng cạnh tranh trong giao dịch thương mại.

Bên cạnh các công việc hướng dẫn và hỗ trợ ở trên, UTZ tại Việt Nam cũng đã triển khai thêm “Chương trình Sản xuất Cà phê Thích Ứng và Giảm thiểu Biến đổi Khí Hậu” hay còn gọi là Dự án C³, bắt đầu từ năm 2014 và kết thúc đến quý 1 năm 2016. Hiện nay, chúng tôi cũng đang kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước để triển khai dự án G4AW (Dịch vụ thông tin cho người trồng Cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên), dự kiến bắt đầu vào năm 2017 và kết thúc vào năm 2019.

II. Tình hình phát triển chứng nhận và các hoạt động đã triển khai

1. Số liệu chứng nhận:

Các đơn vị tham gia chương trình UTZ được đánh giá và được cấp chứng nhận hàng năm bởi các đơn vị đánh giá độc lập mà UTZ đã ủy quyền, tính đến thời điểm 31/12/2016 đã có:

- Đối với Cà phê có 22 Nhà máy chế biến xuất khẩu và 6 nhà rang xay và 37 đơn vị sản xuất được chứng nhận với 30,589 nông hộ tham gia, diện tích 49,565.95 ha và sản lượng 186,887.43 tấn, đứng thứ 2 trên toàn thế giới sau Brazil (chi tiết ở phụ lục 1).
- Đối với Cà cao có 2 đơn vị được chứng nhận chế biến xuất khẩu, 4 đơn vị được chứng nhận sản xuất sản phẩm tiêu dùng, 9 đơn vị được cấp phép tham gia mua bán, 8 đơn vị là nhà sản xuất được chứng nhận với 964 nông hộ tham gia 793.54 ha và sản lượng 1,058.33 tấn hạt (chi tiết ở phụ lục 2).
- Đối với Chè có 2 đơn vị sản xuất và chế biến với 64 nông hộ tham gia diện tích 14.52 ha và sản lượng 28.32 tấn chè thành phẩm (chi tiết ở phụ lục 3).

2. Các hoạt động trong năm 2016:

2.1. Tổ chức hỗ trợ 10 khóa đào tạo với 178 người tham gia:

- Ngày 22 – 23/03/2016 tập huấn Chương trình UTZ cho 15 thành viên của nhà máy chế biến xuất khẩu: Công ty TNHH Volcafe Việt Nam.
- Ngày 27 – 28/04/2016 tập huấn Chương trình UTZ, nâng cao nghiệp vụ đánh giá cho 26 người của 3 Tổ chức chứng nhận UTZ tại Việt Nam và 11 nhà sản xuất, 1 tổ chức phi chính phủ: VSCB Việt Nam, Cafecontrol, VCC&C, Olam Việt Nam, Nedcoffee Việt Nam, Coex Việt Nam, Louis Dreyfus,



- Công ty Thăng Lợi, Neuman Gruupe, Công ty Cà phê Buôn Hồ, HTX Chè Lương Sơn, Công ty Cacao Lâm Tùng, Veco Việt Nam (NGO), Trang Thịnh Vinh.
- Ngày 25-26-27/05/2016, tập huấn Chương trình UTZ cho các nhà sản xuất thành viên lần đầu tham gia với 12 người của 7 nhà sản xuất: Như Tùng, Trang Thịnh Vinh, HTX Minh Toàn Lợi, Minh Tiên, Mercafe, Eapok, HTX Bon Sarpa.
 - Ngày 18-19/08/2016, Chương trình UTZ cho Rang xay Cà phê, 20 người tham gia của 7 đơn vị rang xay Cà phê: ARO-Coffee, ASC Việt Nam, Lạc Giao, Haland Coffee, Huyền Thoại Núi, Đối tác TM Bình Đăng, Minh Toàn Lợi.
 - Ngày 06/09/2016 Chương trình UTZ cho Nhà thương mại Cacao, 22 người tham gia của 8 nhà thương mại: Bến Thành, ACOM, Bamboo Capital Group, An Khải, TRH, Trọng Đức, Tích An, Asia Chemical Cooperation.
 - Ngày 16/09/2016 Chương trình UTZ nâng cao cho cán bộ và nhân viên IMS, 21 người tham gia của 12 Nhà sản xuất Cà phê: Simexco Daklak, Tín Thành Đạt, Phước An, Intimex Nha Trang, Coex Việt Nam, Iasao 2, Nedcoffee, Công ty cà phê 706, Neumann Gruppe, Louis Dreyfus, Olam Daklak, ACOM.
 - Ngày 17/09/2016 “Sản xuất Cà phê Thích ứng và Giảm thiểu Biến đổi Khí hậu” cho cán bộ và nhân viên IMS, 12 người tham gia của 8 Nhà sản xuất Cà phê: Simexco Daklak, Phước An, Intimex Nha Trang, Iasao 2, Công ty cà phê 706, Coex Việt Nam, Louis Dreyfus, Olam Daklak.
 - Ngày 26/09/2016 Chương trình UTZ nâng cao cho cán bộ và nhân viên IMS, 22 người tham gia của 6 Nhà sản xuất Cà phê và 4 Nhà sản xuất Cacao: Hồ Phương, Việt Đức, Intimex Mỹ Phước, Thảo Nguyên, Công ty Cà phê Gia Lai, Gia vị Việt Nam, Phú An, Đức Lập, Bến Thành, Duy Nghĩa Đak Nông.
 - Ngày 27/09/2016 “Sản xuất Cà phê Thích ứng và Giảm thiểu Biến đổi Khí hậu cho cán bộ và nhân viên IMS, 20 người tham gia của 6 Nhà sản xuất Cà phê và 4 Nhà sản xuất Cacao: Hồ Phương, Việt Đức, Intimex Mỹ Phước, Thảo Nguyên, Công ty Cà phê Gia Lai, Gia vị Việt Nam, Phú An, Đức Lập, Bến Thành, Duy Nghĩa Đak Nông.
 - Ngày 08 – 09/11/2016 tập huấn Chương trình UTZ cho Công ty Intimex Đak Nông, chế biến Cà phê xuất khẩu, 8 người tham gia.
- 2.2. Hỗ trợ giải quyết các sai sót về Truy nguyên sản phẩm trong giao dịch bán hàng trên hệ thống UTZ hàng ngày của các công ty thành viên.
- 2.3. Tham gia các hội thảo, hội nghị liên quan đến sản xuất nông nghiệp bền vững do nhà nước tổ chức, cũng như các đối tác liên quan trong và ngoài nước tại Việt Nam.

III. Những lợi ích UTZ mang lại cho các đơn vị thành viên Nhà sản xuất

1.1. Lợi ích về Kinh tế:

- Tiết kiệm chi phí vật tư đầu vào cho nông dân trồng cà phê do được tập huấn nâng cao kiến thức về các biện pháp canh tác tốt
- Cân đúng trọng lượng
- Đo đúng độ ẩm
- Cải thiện chất lượng và an toàn thực phẩm
- Tăng năng suất
- Tiền thưởng được khách hàng trả thêm



1.2. Lợi ích về xã hội:

- Liên kết tổ chức được nông dân
- Xây dựng ổn định vùng nguyên liệu cho các nhà thương mại
- Bảo vệ quyền lợi và sức khỏe cho người lao động
- Thay đổi tập quán canh tác tốt hơn

1.3. Lợi ích về Môi trường:

- Không sử dụng thuốc cấm
- Xử lý rác thải và chất thải có trách nhiệm
- Bảo vệ rừng và trồng thêm cây xanh
- Bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước, bảo vệ độ phì đất trong canh tác hàng ngày

1.4. Các giá trị mang lại khác:

- Nông dân tham gia chương trình UTZ đối với Cà phê, Ca cao, Chè được đào tạo về kỹ thuật canh tác, quản lý vườn cây, sản phẩm, vệ sinh an toàn lao động và bảo vệ môi trường.
- Ý thức bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe được tăng lên rõ rệt, cụ thể là trong khu vực sản xuất luôn sạch sẽ, gọn gàng, không vứt rác thải bừa bãi. Phun thuốc có thông báo nguy hiểm cho cộng đồng, bảo vệ nguồn nước và sử dụng bảo hộ lao động.
- Dễ dàng thương lượng trong việc mua bán sản phẩm, giá cả cạnh tranh hơn và lợi thế nghiêng về người nông dân nhiều hơn.
- Nông dân không phơi cà phê trên sân đất, thu hái chín, chất lượng được gia tăng.

IV. Những thuận lợi và khó khăn thách thức

1. Thuận lợi

- Xu thế thị trường hiện nay đang nghiêng về các sản phẩm có chứng nhận, người tiêu dùng quan tâm nhiều hơn về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy nguyên được nguồn gốc.
- Có sự ủng hộ, quan tâm của nhà nước và chính quyền các cấp, người nông dân sẵn sàng tham gia khi có chương trình triển khai.
- Các thương hiệu mạnh, các nhà chế biến sản phẩm tiêu dùng trên thế giới đang dần xích lại với người nông dân hơn, nhằm hạn chế các trung gian đặc biệt các nhà đầu cơ có tiềm lực kinh tế mạnh trên thế giới mà hiện nay họ đang thao túng thị trường.
- Đối với Cà phê hiện nay giá cả đang có chiều hướng tốt (> 44.500đ/kg, ngày 31/12/2016), người trồng Cà phê và các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn, đặc biệt là tái canh Cà phê. Nhiều đơn vị rang xay Cà phê đang chuyển hướng sang chế biến Cà phê nguyên chất, đồng thời người tiêu dùng cũng đã nhận thức được nguy cơ của Cà phê pha tẩm không rõ nguồn gốc. Các đơn vị chức năng của nhà nước đã và đang đẩy mạnh kiểm tra, phạt nặng hoặc loại bỏ các cơ sở sản xuất cà phê không đảm bảo chất lượng và mất an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là tín hiệu đáng mừng cho tiêu thụ Cà phê nội địa, làm tăng giá trị gia tăng cho chuỗi giá trị Cà phê tại Việt Nam.
- Đối với Cacao hiện nay đang có một số doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư có quy mô. Đầu ra Cacao hạt có chứng nhận đang được các doanh nghiệp thu mua hầu như hoàn toàn. Bên cạnh đó các nhà thương mại tham gia chương trình UTZ nhiều hơn, giá cả đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các đơn vị tham gia UTZ và không UTZ dẫn đến giá nội địa cao hơn giá xuất khẩu rất nhiều.
- Đối với Chè hiện nay đã có các giống có năng suất và chất lượng đang được phổ biến rộng rãi như: LDP1, PH8, PH9, PH10, PH11, PH12, Phúc Vân Tiên, Kim Tuyên..., người trồng có nhiều



sự lựa chọn trong việc tạo ra các sản phẩm để đưa ra thị trường. Nông dân trồng Chè đã biết áp dụng một số tiến bộ kỹ thuật, về giống, thiết kế nương Chè chống xói mòn, mật độ trồng, thu hái đảm bảo thời gian cách ly.

2. Khó khăn thách thức

2.1. Đối với Cà phê

- Mặc dù những lợi ích mang lại không nhỏ và chủ yếu tập trung vào người trồng Cà phê về kinh tế, xã hội và môi trường. Nhưng nếu không có sự tham gia, tổ chức, quản lý, thực hiện của các doanh nghiệp kể cả các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài thì người trồng Cà phê sẽ không thể có những lợi ích trên (mục III), trong khi các doanh nghiệp chủ yếu quan tâm về đầu ra, mà thị trường đầu ra hiện nay lượng bán có thường được khoảng $\leq 30\%$ so với chứng nhận đầu vào bên cạnh đó để duy trì chứng nhận UTZ họ phải bỏ ra một khoản kinh phí để tổ chức và vận hành, mua lại cà phê của nông hộ tham gia với việc cộng thêm giá thưởng.
- Các đơn vị rang xay trong nước chưa thực sự mặn mà tham gia vì yêu cầu khắt khe về truy nguyên sản phẩm của chương trình, trong khi sản phẩm bình thường vẫn đang được phổ biến rộng rãi trên thị trường.
- Vụ mùa năm nay (2016-2017) có thể bị giảm xuống (khoảng 20 – 25%) do hạn hán, nhiều nơi không đủ nước tưới dẫn đến cây phát triển kém, không đủ sức để đậu trái, hạt nhỏ hơn.

2.2. Đối với Cacao

- Sâu bệnh nhiều, đặc biệt là bệnh thối trái do nấm phytophthora palmivora và bọ xít muỗi (helopeltis sp) chích hút trên quả và chồi non gây khó khăn chăm sóc cho người trồng trong việc phòng trị.
- Khả năng cạnh tranh chưa vượt trội so với một số cây trồng khác do năng suất không cao (Hiệu quả kinh tế chưa vượt trội). Những vùng có tiềm năng phát triển mạnh như ở các tỉnh Tây Nguyên thì Cacao chưa thể cạnh tranh được với các cây trồng khác như Cà phê, Hồ tiêu,
- Sản lượng thấp (dưới 7.000 tấn hạt/năm) dẫn đến các nhà thương mại từ nước ngoài ngại đầu tư vào Việt Nam, chưa tạo động lực mạnh trong việc phát triển Cacao.
- Thị trường cạnh tranh phức tạp, một số người mua Cacao không UTZ cố tình đẩy giá lên cao vượt giá xuất khẩu, cao hơn cả mức giá có thưởng UTZ với mục đích giành sự kiểm soát thị trường về phần mình.

2.3. Đối với Chè

- Hiện nay, Chè xuất khẩu vẫn chủ yếu dưới dạng thô, các sản phẩm chế biến tinh rất hạn chế, chưa tạo được thương hiệu cho Chè Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Sản xuất và chế biến Chè hoạt động manh mún, riêng rẽ, khó kiểm soát chất lượng. Trong khi yêu cầu ngày càng cao của các nước tiêu thụ, cạnh tranh gay gắt trong xuất khẩu Chè với các nước khác trên thế giới.

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 06 tháng 01 năm 2017

Đại diện UTZ Việt Nam



Nguyễn Văn Thiết



Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt Bộ NN&PTNT
- Cục Trồng trọt Phía Nam
- TT Khuyến nông Quốc Gia
- Hiệp hội Cà phê Cacao Việt Nam
- BCĐ Tây Nguyên
- UBND tỉnh Đắk Lắk
- Sở NN&PTNT Đắk Lắk
- TT Khuyến Nông tỉnh Đắk Lắk
- Sở KH&ĐT Đắk Lắk
- Sở Ngoại Vụ Đắk Lắk
- Sở Công Thương Đắk Lắk
- Sở KH&CN Đắk Lắk
- Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột
- Viện Nghiên cứu WASI
- Trung Tâm PT Cộng Đồng (CDC)
- PA 61 Công An tỉnh Đắk Lắk
- PA 81 Công An tỉnh Đắk Lắk
- Trung tâm phục vụ đối ngoại Đà Nẵng
- UBND tỉnh Lâm Đồng
- Sở NN&PTNT Lâm Đồng
- UBND tỉnh Đắk Nông
- Sở NN&PTNT Đắk Nông
- UBND tỉnh Gia Lai
- Sở NN&PTNT Gia Lai
- UBND tỉnh Kon Tum
- Sở NN&PTNT Kon Tum
- UBND tỉnh Quảng Trị
- Sở NN&PTNT Quảng Trị
- UBND tỉnh Bình Phước
- Sở NN&PTNT Bình Phước
- UBND tỉnh Đồng Nai
- Sở NN&PTNT Đồng Nai
- UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Sở NN&PTNT Bà Rịa Vũng Tàu
- UBND tỉnh Tiền Giang
- Sở NN&PTNT Tiền Giang
- Sở KH&CN Tiền Giang
- UBND tỉnh Bến Tre
- Sở NN&PTNT Bến Tre
- Trung Tâm KN Bến Tre
- UBND tỉnh Vĩnh Long
- Sở NN&PTNT Vĩnh Long
- UBND tỉnh Sơn La
- Sở NN&PTNT Sơn La
- UBND tỉnh Điện Biên
- Sở NN&PTNT Điện Biên
- UBND tỉnh Thái Nguyên
- Sở NN&PTNT Thái Nguyên
- UBND tỉnh Phú Thọ
- Sở NN&PTNT Phú Thọ
- UBND tỉnh Yên Bái
- Sở NN&PTNT Yên Bái

-----o0o-----

Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
TỈNH ĐẮK LẮK				
1	Công ty TNHH Dak Man Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Pok	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Cà phê Ngon	Chứng nhận nhà máy rang xay		
5	Công ty TNHH Olam Đắk Lắk	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
6	Công ty TNHH Simexco Đắk Lắk	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
7	Công ty TNHH Nedcoffee Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
8	Công ty TNHH Anh Minh	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
9	Công ty ARO-Coffee	Chứng nhận nhà máy rang xay		
10	Tập đoàn Phúc Sinh	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
11	Intimex Buôn Ma Thuột	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
12	Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An	1,306	1,418.00	4,900.00

3/11



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
13	Công ty TNHH Simexco Đắk Lak	1,336	1,858.20	8,086.79
14	Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi	1,119	1,146.16	3,800.00
15	Công ty Cà phê Buôn Hồ	580	405.42	1,090.00
16	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Pok	470	378.96	800.00
17	Công ty TNHH DakMan Việt Nam	557	833.40	3,332.90
18	Công ty TNHH Olam Đắk Lak	594	980.80	8,135.00
19	Công ty TNHH Louis Dreyfus - BMT	997	2,125.00	9,150.73
20	Công ty TNHH Nedcoffee Việt Nam	278	553.10	3,455.70
21	Công ty Cổ phần Cà phê Trung Nguyên	1,488	2,099.00	4,360.00
22	Công ty TNHH MTV Thảo Nguyên	455	781.73	2,673.71
23	Công ty Cổ phần Quang Minh	579	716.50	2,798.15
24	Công ty TNHH Hồng Giang	86	130.80	523.20
25	Tập đoàn Phúc Sinh	606	689.34	1,902.10
26	Tập đoàn Tín Nghĩa	855	1,901.15	6,896.50
CỘNG ĐẮK LAK		11,306	16,017.56	61,904.78
TỈNH LÂM ĐỒNG				
1	Công ty TNHH Olam Lâm Đồng	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty Acom Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty Cổ phần XNK Cà phê Đà Lạt	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
5	Công ty TNHH Như Tùng	139	370.60	1,585.79
6	Công ty TNHH Hồ Phụng	433	598.00	2,399.00



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
7	Công ty TNHH Olam Lâm Đồng	308	1,220.80	4,960.40
8	Công ty TNHH Mercafe Việt Nam	259	646.80	1,784.97
9	Công ty Acom Việt Nam	866	2,015.00	6,752.00
10	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Bảo Lâm	2,003	2,829.30	11,597.78
11	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Di Linh	1,348	2,949.00	11,832.80
12	Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước	735	1,371.22	5,901.35
13	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Ta Nung	373	681.20	1,503.00
14	Tập đoàn Tín Nghĩa	1,424	2,775.79	9,336.00
CỘNG LÂM ĐỒNG		7,888	15,457.71	57,653.09
TỈNH ĐẮK NÔNG				
1	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty TNHH XNK Trang Thịnh Vinh	50	81.10	270.90
3	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Đak Lấp	247	503.30	2,156.42
4	Tập đoàn Tín Nghĩa	360	731.70	2,391.50
CỘNG ĐẮK NÔNG		657	1,316.10	4,818.82
TỈNH GIA LAI				
1	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai	1,056	995.00	4,341.00
3	Công ty Cà phê Iasao 2	364	353.00	1,000.00
4	Công ty Cà phê 706	748	716.88	1,000.00
5	Công ty TNHH Neumann Gruppe Việt Nam	731	873.65	2,404.80
6	Công ty TNHH Tín Thành Đạt	632	1,593.00	6,923.85



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
7	Công ty Cổ phần Intimex Nha Trang	1,048	1,859.95	10,505.30
8	Công ty TNHH XNK Hoa Trang Gia Lai	916	1,881.30	7,300.90
CỘNG GIA LAI		5,495	8,272.78	33,475.85
TỈNH KONTUM				
1	Công ty Cà phê Đak Uy	388	363.49	1,193.75
2	Công ty TNHH MTV Cà phê 731	130	149.80	524.31
CỘNG KON TUM		518	513	1,718
TỈNH SƠN LA				
1	Công ty TNHH SX & TM Cát Quế	1,201	1,033.50	4,131.04
2	Doanh nghiệp tư nhân Cà phê Minh Tiến	2,189	5,072.21	17,000.99
CỘNG SƠN LA		3,390	6,105.71	21,132.03
TỈNH ĐIỆN BIÊN				
1	Doanh nghiệp tư nhân Cà phê Minh Tiến	1,335	1,882.80	6,184.80
TỈNH ĐỒNG NAI				
1	Công ty TNHH Neumann Gruppe Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty TNHH Pacorini Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty TNHH Mercafe Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Volcafe Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
5	Công ty TNHH Cafeco Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
6	Công ty TNHH Hiang Kie	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu, rang xay		
7	Công ty TNHH Vinacof	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
8	Công ty TNHH Katoen Natie Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
9	Công ty TNHH Touton Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
10	Tập đoàn Tín Nghĩa	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
TỈNH BÌNH DƯƠNG				
1	Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Tập đoàn Phúc Sinh	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu, rang xay		
3	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
TP. HỒ CHÍ MINH				
1	Công ty TNHH Cà phê Cư Bao	Chứng nhận nhà máy rang xay		
TỈNH LONG AN				
1	Công ty TNHH Cà phê Ouspan Việt Nam	Chứng nhận nhà máy rang xay		
TỔNG CỘNG				
		30,589	49,565.95	186,887.43
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chứng nhận Nhà máy chế biến xuất khẩu : 22 đơn vị ▪ Chứng nhận Nhà máy rang xay : 6 đơn vị ▪ Chứng nhận Nhà sản xuất : 37 đơn vị 			
	<ul style="list-style-type: none"> Nông hộ : 30,589 hộ Diện tích : 49,565.95 ha Sản lượng : 186,887.43 tấn nhân 			



Phụ lục 2: Số liệu Chứng nhận Cacao đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn hạt)
TỈNH ĐAK LAK				
1	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Bến Thành	Thương mại và chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
2	Công ty TNHH TRH	Thương mại		
3	Công ty TNHH ACOM Việt Nam	Thương mại và chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Cà phê Buôn Hồ	159	137.45	72.00
5	Công ty TNHH SX Nông nghiệp Phú An	131	146.25	300.84
6	Công ty TNHH SX Nông nghiệp Hoàng Phát	120	130.24	325.60
TỈNH ĐAK NÔNG				
7	Công ty Cà phê Đức Lập	173	166.13	93.87
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU				
8	Công ty TNHH Dobra Asia	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
TỈNH ĐỒNG NAI				
9	Công ty TNHH Cacao Trọng Đức	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
TỈNH BẾN TRE				
10	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Bến Thành	Chứng nhận chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
11	Công ty TNHH ACOM Việt Nam	Thương mại và chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
12	Công ty Tư nhân Phú Bình	39	23.31	41.50
13	Công ty TNHH MTV Thành Hưng Thịnh	39	24.31	56.00
14	Doanh nghiệp Tư nhân Cacao Lâm Tùng	185	87.00	88.02
15	Công ty TNHH MTV Cacao Hương Việt	118	78.85	80.50
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
16	Tập đoàn Asia Chemical	Nhà thương mại		
TỈNH LONG AN				
17	Công ty TNHH An Khải	Nhà thương mại		
TỈNH BÌNH DƯƠNG				
18	Friesland Campina Việt Nam	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
TỈNH HÀ NAM				
19	Friesland Campina Hà Nam	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		



Phụ lục 2: Số liệu Chứng nhận Cacao đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn hạt)
	TỔNG CỘNG	964	793.54	1,058.33
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu Cacao hạt : 4 (2 đơn vị) ▪ Chứng nhận chế biến Socola & sản phẩm tiêu dùng : 4 đơn vị ▪ Tham gia thương mại : 9 đơn vị ▪ Chứng nhận Nhà sản xuất : 8 đơn vị 			
	<i>Tổng số nông hộ tham gia</i>		<i>: 964 hộ</i>	
	<i>Tổng diện tích</i>		<i>: 793.54 ha</i>	
	<i>Tổng sản lượng</i>		<i>: 1,058.33 tấn hạt</i>	

Phụ lục 3: Số liệu Chứng nhận Chè đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

TT	Tên đơn vị được chứng nhận	Nông hộ	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
	TỈNH THÁI NGUYÊN			
1	HỢP TÁC XÃ CHÈ TÂN HƯƠNG	35	10.74	18.04
	TỈNH PHÚ THỌ			
2	HTX DỊCH VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÈ LƯƠNG SƠN	29	3.78	10.28
	TỔNG CỘNG	64	14.52	28.32
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chứng nhận Nhà sản xuất và chế biến : 2 đơn vị 			
	<i>Tổng số hộ tham gia</i>		<i>: 64 hộ</i>	
	<i>Tổng diện tích</i>		<i>: 14.52 ha</i>	
	<i>Tổng sản lượng</i>		<i>: 28.32 tấn Chè thành phẩm</i>	

